

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao tài sản công cho Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa
thuộc Sở Công thương quản lý, sử dụng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất Khẩu, thuế nhập Khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2941/QĐ-BCT ngày 14/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chuyển tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 12844/TTr-STC ngày 28/11/2025 (kèm theo đề nghị Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa tại Công văn số 606/CCQLTT-HCTH ngày 11/11/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản công (được điều chuyển từ Cục Quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường, Bộ Công Thương) cho Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa thuộc Sở Công Thương quản lý, sử dụng đảm bảo theo quy định của pháp luật; cụ thể như sau:

1. Cơ quan, đơn vị được giao tài sản: Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa thuộc Sở Công thương.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước khi Quyết định số 2941/QĐ-BCT ngày 14/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương có hiệu lực thi hành: Bộ Công Thương.

3. Danh mục tài sản giao: Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa có trách nhiệm bố trí, sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện các thủ tục hành chính về hồ sơ có liên quan đến tài sản theo quy định; hạch toán tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai bổ sung quyền quản lý, sử dụng tài sản với cơ quan quản lý theo quy định; tổ chức quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công; chi trả các chi phí có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có).

Đối với tài sản công dôi dư, không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng hoặc thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa có trách nhiệm lập hồ sơ, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện tiếp nhận và quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Công Thương; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

Phụ lục số 01
DANH MỤC TỔNG HỢP TÀI SẢN CÔNG GIAO CHO CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Trụ sở làm việc gồm nhà và đất	321.974.800.233	286.732.020.577
2	Xe ô tô và phương tiện đi lại khác	15.366.063.000	5.202.157.2000
3	Tài sản khác (gồm cả công cụ và dụng cụ)	14.685.527.607	3.132.201.367
	TỔNG CỘNG	352.026.390.840	295.066.379.144

Phụ lục số 02
DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG GIAO LÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Địa chỉ	Số lượng	Diện tích (m ²)		Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Đất	Nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Công trình trụ sở làm việc Chi cục Quản lý thị trường (Phần xây lắp)	Số 01A61 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	1	1.648,9	581,43	51.682.046.660	45.449.012.330
2	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 11 (cơ sở 2)	Khu păng, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1	1.000	320	6.153.347.000	3.628.405.740
3	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 12 (cơ sở 2)	Phố Đồng Tâm 1, xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hóa	1	1.140	320	6.864.036.000	5.095.806.085
4	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 12	Tổ dân phố Đại Đồng, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	1	1.200	320	12.071.509.000	9.919.661.700
5	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 13 (cơ sở 2)	Thôn Mỹ Ré, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	1	700	320	5.200.537.000	3.423.742.154
6	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 6	Khu 5, xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	1	917,1	320	6.416.501.000	5.235.708.120
7	Trụ sở làm việc đội Quản lý thị trường số 2	Số 59 Nguyễn Du, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1	913,6	348	21.099.094.000	20.287.344.400
8	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 3	QL1A, xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa	1	518	480	6.229.667.000	4.545.675.800
9	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 5	Đường Trần Phú, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1	630	320	8.371.435.000	7.677.269.160
10	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 7	Khu phố Lê Thánh Tông, xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	1	767,6	396	18.038.822.687	16.830.936.086

Số TT	Danh mục tài sản	Địa chỉ	Số lượng	Diện tích (m ²)		Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Đất	Nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại
11	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 8	Số 611 đường Mừng 10 tháng 6, khu 1, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	1	797	320	8.728.715.000	7.977.898.640
12	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 4	Số 872 Quang Trung, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	1	1.708	348	35.738.801.800	35.011.517.472
					50	957.110.000	510.331.052
13	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 13	Số 896 Lê Thái Tổ, phố Bà Triệu, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1	859	396	7.407.722.000	6.686.188.170
14	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 1 và số 9	Đại lộ Hùng Vương, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa	1	6.053,7	1.920	82.501.009.050	76.170.742.260
15	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 11	Bản Cỏi-Khiêu, xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa	1	600	320	4.789.389.036	2.783.176.148
16	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 10	Đường Tiên Phước, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1	1.000	320	7.114.910.000	5.619.281.520
17	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 2 (cơ sở 2)	Đường Phạm Tiến Năng, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa	1	2.620	492	17.743.111.000	16.814.488.800
18	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 4 (cơ sở 2)	Đường Bà Triệu, xã Nông công, tỉnh Thanh Hoá.	1	920,4	386	14.867.037.000	13.064.834.940
TỔNG CỘNG			18	23.993	8.277,43	321.974.800.233	286.732.020.577

Phụ lục số 03
DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG GIAO LÀ XE Ô TÔ, PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI KHÁC
(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát: 36A-18688	Cái	1	2017	1.089.500.000	508.142.800
2	Xe ô tô bán tải Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00406	Cái	1	2017	630.000.000	335.853.000
3	Xe ô tô bán tải Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00413	Cái	1	2018	630.000.000	335.853.000
4	Xe ô tô bán tải Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00439	Cái	1	2016	650.000.000	303.160.000
5	Xe ô tô bán tải Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00578	Cái	1	2017	630.000.000	293.832.000
6	Xe ô tô bán tải Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00681	Cái	1	2015	615.000.000	225.336.000
7	Xe ô tô bán tải Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00685	Cái	1	2016	650.000.000	303.160.000
8	Xe ô tô HILUX, biển kiểm soát: 36A-00247	Cái	1	2013	627.000.000	83.391.000
9	Xe ô tô HILUX, biển kiểm soát: 36A-00348	Cái	1	2013	627.000.000	41.632.800
10	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00472	Cái	1	2017	630.000.000	293.832.000
11	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00488	Cái	1	2015	615.000.000	204.795.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại
12	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00525	Cái	1	2016	650.000.000	303.160.000
13	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00548	Cái	1	2017	630.000.000	293.832.000
14	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00571	Cái	1	2018	630.000.000	335.853.000
15	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00582	Cái	1	2018	615.000.000	204.795.000
16	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00605 (Quan Sơn)	Cái	1	2018	615.000.000	204.795.000
17	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00642	Cái	1	2017	630.000.000	293.832.000
18	Xe ô tô Mitsubishi Trion GLX, biển kiểm soát: 36A-00650	Cái	1	2017	630.000.000	293.832.000
19	Xe ô tô Mitsubishi Triton GLX, biển kiểm soát: 36A-00407	Cái	1		650.000.000	259.805.000
20	Xe ô tô Toyota Hilux, biển kiểm soát: 36A-00283	Cái	1	2013	627.000.000	41.632.800
21	Xe ô tô Toyota Hilux, biển kiểm soát: 36A-00331	Cái	1	2013	627.000.000	41.632.800
22	Xe ô tô Ford Laser, biển kiểm soát: 36B-00417	Cái	1	2014	650.000.000	0
23	Xe ô tô VINAYA3, biển kiểm soát: 36B-0862	Cái	1	2004	180.813.000	0
24	Xe ô tô Ford Escape, biển kiểm soát: 36B-2266	Cái	1	2010	837.750.000	0
TỔNG CỘNG			24		15.366.063.000	5.202.157.200

Phụ lục số 04
DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG GIAO LÀ TÀI SẢN KHÁC
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định khác		433	11.468.287.814	3.132.201.367
1	Bộ máy tính để bàn Acer Verition ES2735Gi5-9400/4G/1T7/LCD V226HQL21.5HD/HD/KM	Cái	1	16.617.100	0
2	Bộ máy tính để bàn Acer Verition ES2735Gi5-9400/4G/1T7/LCD V226HQL21.5HD/HD/KM	Cái	1	16.617.100	0
3	Bộ máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
4	Bộ máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
5	Bộ máy tính để bàn HP và hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/72L09A/HP+Trung Quốc/9SV79AA/HP	Cái	1	17.494.000	6.997.600
6	Bộ máy tính để bàn HP và hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/72L09A/HP+Trung Quốc/9SV79AA/HP	Cái	1	17.494.000	6.997.600
7	Bộ máy vi tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
8	Bộ máy vi tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
9	Bộ máy vi tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
10	Máy tính để bàn Acer cấu hình 2	Cái	1	16.828.500	0
11	Máy tính để bàn Acer cấu hình 2 phòng NVTH	Cái	1	16.828.500	0
12	Máy tính để bàn Acer cấu hình 2 phòng NVTH	Cái	1	16.828.500	0
13	Máy tính để bàn Acer cấu hình 2 phòng NVTH	Cái	1	16.828.500	0
14	Máy tính để bàn Acer cấu hình 2 phòng NVTH	Cái	1	16.828.500	0
15	Máy tính để bàn Acer Veriton ES2735G (truyền hình trực tuyến)	Cái	1	24.985.785	0
16	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
17	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
18	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
19	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
20	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
21	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
22	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
23	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
24	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
25	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
26	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
27	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
28	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
29	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
30	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
31	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
32	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
33	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
34	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
35	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
36	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer (TPTCHC)	Cái	1	16.823.500	3.364.700
37	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer	Cái	1	16.823.500	3.364.700
38	Máy tính để bàn cấu hình 2 Trung Quốc Veriton ES2740G, Acer (Văn thư mật)	Cái	1	16.823.500	3.364.700

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
39	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
40	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
41	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
42	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
43	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
44	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
45	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
46	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
47	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
48	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
49	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
50	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
51	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
52	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
53	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
54	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
55	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
56	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
57	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
58	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
59	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
60	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
61	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
62	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
63	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
64	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
65	Máy tính để bàn đồng bộ HP 280 G1 (Công trình Đ1)	Cái	1	18.694.000	0
66	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
67	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
68	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
69	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
70	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
71	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
72	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
73	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
74	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
75	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
76	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện (Cắm Thủy)	Cái	1	12.995.000	0
77	Máy tính để bàn FPT Elead, lưu điện (Quan Hóa)	Cái	1	12.995.000	0
78	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (Đội 1)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
79	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (Đội 11)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
80	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (Đội 14)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
81	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (Đội 15)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
82	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (Đội 4)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
83	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (Đội 6)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
84	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (Đội 8)	Cái	1	17.344.000	13.875.200

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
85	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (NVTH)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
86	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (TCHC)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
87	Máy tính để bàn Trung Quốc Acer Veriton X2715G (TTPC)	Cái	1	17.344.000	13.875.200
88	Máy tính HP để bàn	Cái	1	13.717.000	0
89	Máy vi tính để bàn FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
90	Máy vi tính FPT Elead, lưu điện	Cái	1	12.995.000	0
91	1.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
92	1.Máy tính xách tay Trung Quốc Acer Travelmate P214-54-59D6 (VP Cục)	Cái	1	17.228.500	13.782.800
93	10.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
94	11.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
95	12.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
96	13.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP(TPTCHC)	Cái	1	17.510.000	7.004.000
97	14.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP(Anh Thế Anh PCT)	Cái	1	17.510.000	7.004.000
98	15.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP(Anh Toàn PCT)	Cái	1	17.510.000	7.004.000
99	2.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
100	3.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
101	4.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
102	5.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
103	6.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
104	7.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
105	8.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
106	9.Máy tính xách tay HP và phần mềm hệ điều hành phiên bản Home, Trung Quốc/46M22PA/HP	Cái	1	17.510.000	7.004.000
107	Máy tính xách tay Acer - Phòng TTPC	Cái	1	16.768.000	0
108	Máy tính xách tay Acer - Phòng NVTH	Cái	1	16.768.000	0
109	Máy tính xách tay Acer - Phòng TCHC - bộ phận KT	Cái	1	16.768.000	0
110	Máy tính xách tay Acer	Cái	1	16.768.000	0
111	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 1) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
112	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 1) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
113	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 1) 3	Cái	1	21.979.000	8.791.600
114	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 10) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
115	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 10) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
116	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 11)	Cái	1	21.979.000	8.791.600
117	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 11) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
118	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 12) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
119	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 12) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
120	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 13) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
121	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 13) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
122	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 14) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
123	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 14) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
124	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 15) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
125	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 15) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
126	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 2) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
127	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 2) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
128	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 3) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
129	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 3) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
130	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 4) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
131	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 4) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
132	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 5)	Cái	1	21.979.000	8.791.600
133	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 5) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
134	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 6) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
135	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 6) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
136	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 7)	Cái	1	21.979.000	8.791.600
137	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 7) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
138	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 8) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
139	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 8) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600
140	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 9) 1	Cái	1	21.979.000	8.791.600
141	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (Đội 9) 2	Cái	1	21.979.000	8.791.600

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
142	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (NVTH)	Cái	1	21.979.000	8.791.600
143	Máy tính xách tay chuyên dụng Trevelmate P215-53-51J4, Acer (TTPC)	Cái	1	21.979.000	8.791.600
144	Máy tính xách tay Trung Quốc Acer Travelmate P214-54-59D6 (Đội 1)	Cái	1	17.228.500	13.782.800
145	Máy tính xách tay Trung Quốc Acer Travelmate P214-54-59D6 (Đội 10)	Cái	1	17.228.500	13.782.800
146	Máy tính xách tay Trung Quốc Acer Travelmate P214-54-59D6 (Đội 7)	Cái	1	17.228.500	13.782.800
147	Máy tính xách tay Trung Quốc Acer Travelmate P214-54-59D6 (Đội 8)	Cái	1	17.228.500	13.782.800
148	Máy in HP LaserJet Pro M402 dw (kế toán)	Cái	1	10.263.000	0
149	Máy in HP LaserJet Pro M402 dw (kế toán)	Cái	1	10.263.000	0
150	Máy in HP LaserJet Pro M402 dw (Phòng Cục trưởng)	Cái	1	10.263.000	0
151	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
152	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
153	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
154	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
155	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
156	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro	Cái	1	10.257.000	2.051.400

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	M404Dw HP				
157	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
158	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
159	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
160	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
161	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
162	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
163	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
164	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
165	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP	Cái	1	10.257.000	2.051.400
166	Máy in Laser để bàn cấu hình 1 Philippines LaserJet Pro M404Dw HP (TPTCHC)	Cái	1	10.257.000	2.051.400
167	Máy in Laser Jet Pro M404Dw, HP - Phòng NVTH	Cái	1	10.252.000	0
168	Máy in LaserJet Pò M404Dw, HP - Đội QLTT số 9	Cái	1	10.252.000	0
169	Máy in LaserJet Pro M404Dw, HP - Phòng NVTH	Cái	1	10.252.000	0
170	Máy in LaserJet Pro M404Dw, HP - Phòng NVTH	Cái	1	10.252.000	0
171	Máy in LaserJet Pro M404Dw, HP (Đội QLTT số 9)	Cái	1	10.252.000	0

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
172	Máy in LaserJet Pro M404Dw, HP (Mai phòng TCHC)	Cái	1	10.252.000	0
173	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 1) 1	Cái	1	14.441.000	5.776.400
174	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 1) 2	Cái	1	14.441.000	5.776.400
175	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 10)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
176	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 11)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
177	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 12)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
178	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 13)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
179	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 14)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
180	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 15)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
181	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 2)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
182	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 3)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
183	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 4) 1	Cái	1	14.441.000	5.776.400
184	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 4) 2	Cái	1	14.441.000	5.776.400
185	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội	Cái	1	14.441.000	5.776.400

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	5)				
186	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 6)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
187	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 7)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
188	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 8) 1	Cái	1	14.441.000	5.776.400
189	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 8) 2	Cái	1	14.441.000	5.776.400
190	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 9) 1	Cái	1	14.441.000	5.776.400
191	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (Đội 9) 2	Cái	1	14.441.000	5.776.400
192	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (NVTH)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
193	Máy in xách tay lưu động kèm pin, Thái Lan/TR150, Canon (TTPC)	Cái	1	14.441.000	5.776.400
194	Tủ đựng tài liệu, trưng bày H-DS06A, VNSX, KT 2000x500x2200, gỗ công nghiệp nhập Khẩu Malaysia, phủ sơn CN Đà Loan (Công trình Đ1)	Cái	1	16.488.000	0
195	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
196	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
197	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
198	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
199	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
200	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
201	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
202	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
203	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
204	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
205	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
206	Máy photocopy HP Laser Jet MFP M72625dn (Quan Sơn)	Cái	1	53.000.000	0
207	Máy photocopy HP Laser MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
208	Máy photocopy HP Laser MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
209	Máy photocopy HP Laser MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
210	Máy photocopy HP Laser MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
211	Máy photocopy HP Laser MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
212	Máy photocopy HP Laser MFP M72625dn	Cái	1	53.000.000	0
213	Bộ bàn ghế làm việc (Phòng CT)	Cái	1	14.500.000	0
214	Bàn ghế salon gỗ Model 2013 (Phòng ĐT)	Cái	1	10.450.000	0
215	Bàn ghế salon gỗ, Model: 2013 (Phòng CCT)	Cái	1	10.450.000	0
216	Bàn ghế salon gỗ, Model: 2013 (Phòng PCT)	Cái	1	10.450.000	0
217	Bàn ghế salon gỗ, Model: 2013 (Phòng PCT)	Cái	1	10.450.000	0
218	Bàn ghế salon gỗ, Model: 2013 (Phòng PCT)	Cái	1	10.450.000	0
219	Bàn ghế tiếp khách (Cẩm Thủy)	Cái	1	10.651.500	0
220	Bộ bàn ghế đồng ky	Cái	1	11.200.000	0
221	Bộ bàn ghế đồng ky	Cái	1	14.426.000	0
222	Bộ bàn ghế tiếp khách (CT)	Cái	1	14.000.000	0
223	Bộ bàn ghế tiếp khách (Quan Hóa)	Cái	1	11.803.000	0

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
224	Bộ bàn ghế tiếp khách (TP TCHC)	Cái	1	10.800.000	0
225	Bộ bàn ghế tiếp khách đồng kỵ (Cẩm thủy)	Cái	1	22.000.000	0
226	Bộ bàn ghế tiếp khách sofa gỗ 5 món, VNSX, 1 ghế dài, 2 ghế đơn, 1 bàn, 1 kệp (Công trình Đ1)	Cái	1	14.955.000	5.608.125
227	Bộ bàn ghế tiếp khách sofa gỗ 5 món, VNSX, 1 ghế dài, 2 ghế đơn, 1 bàn, 1 kệp (Công trình Đ1)	Cái	1	14.955.000	5.608.125
228	Bộ bàn ghế tiếp khách sofa gỗ 6 món, VNSX, 1 ghế dài, 2 ghế đơn, 1 bàn, 1 kệp (Công trình Đ1)	Cái	1	56.083.000	21.031.125
229	Bộ bàn ghế Việt Nam (Phòng xử lý)	Cái	1	27.500.000	0
230	Điều hoà Daikin FTNE 35 NV1V9	Cái	1	10.780.000	2.695.000
231	Điều hoà không khí	Cái	1	17.200.000	0
232	Điều hoà không khí Casper 12000BTU	Cái	1	16.855.000	4.213.750
233	Điều hoà không khí Daikin FTC35NV 18000 BTU	Cái	1	11.150.000	2.787.500
234	Điều hoà không khí Daikin FTC35NV 18000 BTU	Cái	1	11.150.000	2.787.500
235	Điều hoà không khí Dailkin KQ35	Cái	1	11.990.000	2.997.500
236	Điều hoà không khí Dailkin KQ35	Cái	1	11.990.000	2.997.500
237	Điều hoà không khí Funiki 18000BTU	Cái	1	12.000.000	3.000.000
238	Điều hoà không khí LG 12000BTU	Cái	1	16.261.000	4.065.250
239	Điều hoà không khí Media 12000BTU	Cái	1	14.300.000	3.575.000
240	Điều hoà không khí Mitsubishi BTU HM50VA 18000 BTU	Cái	1	14.500.000	3.625.000
241	Điều hoà không khí Panasonic 12000BTU	Cái	1	16.961.000	4.240.250
242	Điều hòa Mitsbishi	Cái	1	14.500.000	5.437.500
243	Điều hòa mitsubishi MS-HP-50VF	Cái	1	14.100.000	3.525.000
244	Điều hòa Panasonic N9VKH	Cái	1	14.800.000	3.700.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
245	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 12000 BTU/h, APC/APO-120, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	14.250.000	5.343.750
246	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 12000 BTU/h, APC/APO-120, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	14.250.000	5.343.750
247	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
248	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
249	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
250	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
251	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
252	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
253	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
254	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
255	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
256	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
257	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
258	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
259	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
260	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
261	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
262	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
263	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
264	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
265	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
266	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
267	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
268	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
269	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
270	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
271	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
272	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
273	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
274	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
275	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
276	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
277	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
278	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
279	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
280	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
281	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
282	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, Công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
283	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
284	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 18000 BTU/h, APC/APO-180, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	21.000.000	7.875.000
285	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 50000 BTU/h, APC/APO-500, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	57.000.000	21.375.000
286	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 50000 BTU/h, APC/APO-500, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	57.000.000	21.375.000
287	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 50000 BTU/h, APC/APO-500, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	57.000.000	21.375.000
288	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 50000 BTU/h, APC/APO-500, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	57.000.000	21.375.000
289	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 50000 BTU/h, APC/APO-500, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	57.000.000	21.375.000
290	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 50000 BTU/h, APC/APO-500, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	57.000.000	21.375.000
291	Điều hòa treo tường 1 chiều, inverter, công suất lạnh: 50000 BTU/h, APC/APO-500, xuất xứ: Malaysia (Công trình Đ1)	Cái	1	57.000.000	21.375.000
292	Máy điều hoà không khí 12000BTU	Cái	1	15.000.000	3.750.000
293	Máy điều hoà không khí 18000BTU	Cái	1	18.000.000	4.500.000
294	Máy điều hoà không khí Daikin FTC35NV 18000BTU	Cái	1	11.150.000	2.787.500
295	Máy điều hoà không khí Funiki 9000BTU	Cái	1	10.900.000	2.725.000
296	Máy điều hoà không khí Misubishi 12000BTU	Cái	1	14.490.000	3.622.500
297	Máy điều hoà không khí Misubishi 13000BTU	Cái	1	11.500.000	2.875.000
298	Máy điều hoà không khí Misubishi 13000BTU	Cái	1	11.500.000	2.875.000
299	Máy điều hoà không khí Misubishi 9000BTU	Cái	1	10.500.000	0
300	Máy điều hoà không khí Panasonic 12000BTU	Cái	1	14.990.000	3.747.500

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
301	Máy điều hoà không khí Panasonic 12000BTU	Cái	1	18.020.000	4.505.000
302	Máy điều hoà nhiệt độ Panasonic (Phòng ĐT)	Cái	1	14.500.000	0
303	Máy điều hoà Panasonic 18000BTU	Cái	1	18.000.000	4.500.000
304	Cục công suất DIHO PA1600 (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	10.000.000	0
305	Cục công suất ROY 804 (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	10.000.000	0
306	Súp đôi 2 bass 40 DIHO (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	12.000.000	0
307	Thiết bị Loa & Micro tích hợp: Jabra 710 (truyền hình trực tuyến)	Cái	1	17.067.375	0
308	Màn hình giám sát ti vi 43 inch HG43AJ570MKXXV Samsung VN (phòng bảo vệ) năm 2022	Cái	1	11.990.000	4.796.000
309	Màn hình giám sát ti vi 43 inch HG43AJ570MKXXV Samsung VN hội nghị trực tuyến năm 2022	Cái	1	11.990.000	4.796.000
310	Màn hình giám sát ti vi 43 inch HG43AJ570MKXXV Samsung VN hội nghị trực tuyến năm 2022	Cái	1	11.990.000	4.796.000
311	Màn hình giám sát ti vi 43 inch HG43AJ570MKXXV Samsung VN hội nghị trực tuyến năm 2022	Cái	1	11.990.000	4.796.000
312	Màn hình Tivi 55 inch: Smart Tivi Samsung 55 inch 55 NU7090 4K UHD HDR (truyền hình trực tuyến)	Cái	1	19.944.637	0
313	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho 2 Đội QLTT số 9)	Cái	1	12.540.000	0
314	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Cục QLTT Kho 1 + kho 2)	Cái	1	12.540.000	0
315	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 1)	Cái	1	12.540.000	0
316	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 10)	Cái	1	12.540.000	0
317	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 11)	Cái	1	12.540.000	0
318	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 12)	Cái	1	12.540.000	0

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
319	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 13)	Cái	1	12.540.000	0
320	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 14)	Cái	1	12.540.000	0
321	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 15)	Cái	1	12.540.000	0
322	Tivi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 2 - Đội QLTT số 16 cũ)	Cái	1	12.540.000	0
323	Ti vi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 2)	Cái	1	12.540.000	0
324	Ti vi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 3)	Cái	1	12.540.000	0
325	Ti vi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 4)	Cái	1	12.540.000	0
326	Ti vi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 5)	Cái	1	12.540.000	0
327	Ti vi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 6)	Cái	1	12.540.000	0
328	Ti vi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 7)	Cái	1	12.540.000	0
329	Ti vi 43 inch (HG43AJ570MKXXV) (kho Đội QLTT số 8)	Cái	1	12.540.000	0
330	Tivi asanzo 65 (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	18.600.000	0
331	Đường dây cấp điện (Cắm Thủy)	Cái	1	43.854.000	0
332	Đường dây cấp điện (Quan Hóa)	Cái	1	61.570.000	0
333	Đường dây cấp điện (Thọ xuân)	Cái	1	35.000.000	0
334	Đường dây cấp điện 0.4KV	Cái	1	40.264.000	0
335	Đường dây cấp điện cho trụ sở làm việc	Cái	1	38.910.000	0
336	Đường điện 22kV, 35kV Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường số 1 và số 10	Cái	1	879.806.000	0
337	Thiết bị mạng lan, mạng điện thoại (Công trình Đ1)	Cái	1	204.478.450	0
338	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Cục QLTT kho 1	Cái	1	38.861.179	0
339	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Cục QLTT kho 2	Cái	1	28.667.179	0
340	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Đội QLTT số 9	Cái	1	51.937.678	0

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
341	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 1	Cái	1	51.672.678	0
342	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 10	Cái	1	51.757.679	0
343	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 11	Cái	1	36.240.678	0
344	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 12	Cái	1	37.605.178	0
345	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 13	Cái	1	36.409.678	0
346	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 14	Cái	1	36.202.178	0
347	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 15	Cái	1	36.202.178	0
348	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 2	Cái	1	36.299.178	0
349	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 2 (Đội QLTT số 16 cũ)	Cái	1	36.364.178	0
350	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 3	Cái	1	36.364.178	0
351	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 4	Cái	1	36.364.678	0
352	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 5	Cái	1	37.670.178	0
353	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 6	Cái	1	36.377.178	0
354	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 7	Cái	1	36.182.178	0
355	Bộ camera giám sát các kho tang vật - Kho Đội QLTT số 8	Cái	1	36.065.178	0
356	Bộ camera giám sát trụ sở năm 2022 (phòng bảo vệ)	Cái	1	92.520.230	37.008.092
357	Camera PTZ TLC-1000-U2S (truyền hình trực tuyến)	Cái	1	19.159.930	0
358	Thang máy tải khách (Công trình Đ1) Ký hiệu: MCA -1050-CO60, Thông số kỹ thuật chính, Tải trọng: 1050(14 người), Tốc độ: 1,5m/s - 90m/phút, Số tầng: 6 tầng, Số điểm dừng: 6 Chức năng: Về tầng gần nhất	Cái	1	1.358.700.000	509.512.500
359	Bàn ghế hội trường	Cái	1	21.780.000	0

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
360	Bàn ghế hội trường	Cái	1	20.900.000	0
361	Bàn ghế hội trường (Quan Sơn)	Cái	1	19.305.000	0
362	Bàn họp Hội trường gỗ loại SCT4016 (Tầng II - nhà 6 tầng), sản xuất: Hoà Phát, xuất xứ: Việt Nam	Cái	1	18.500.000	0
363	Bàn họp lớn H-DBS09A, VNSX, KT 12000x2000x750mm, gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, phủ sơn CN Dài Loan (Công trình Đ1)	Cái	1	81.050.000	30.393.750
364	Bộ bàn ghế hội trường	Cái	1	19.960.000	0
365	Ghế hội trường gỗ. Model 4016 (Tầng II), sản xuất: Hoà Phát, xuất xứ: Việt Nam	Cái	1	26.400.000	0
366	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 1) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
367	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 1) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
368	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 10) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
369	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 10) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
370	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 11) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
371	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 11) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
372	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 12) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
373	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 12) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
374	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung	Cái	1	15.000.000	12.000.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Quốc (Đội 13) 1/2023				
375	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 13) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
376	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 14) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
377	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 14) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
378	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 15) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
379	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 15) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
380	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 2) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
381	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 2) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
382	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 3) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
383	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 3) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
384	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 4) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
385	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 4) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
386	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 5) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
387	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung	Cái	1	15.000.000	12.000.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Quốc (Đội 5) 2/2023				
388	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 6) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
389	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 6) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
390	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 7) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
391	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 7) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
392	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 8) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
393	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 8) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
394	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 9) 1/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
395	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (Đội 9) 2/2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
396	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (NVTH) 2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
397	Máy in phun màu chuyên dùng Canon TR150 kèm pin/Trung Quốc (TTPC) 2023	Cái	1	15.000.000	12.000.000
398	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 1) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
399	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 10) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
400	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 11) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
401	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 12) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
402	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 13) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
403	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 14) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
404	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 15) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
405	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 2) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
406	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 3) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
407	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 4) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
408	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 5) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
409	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 6) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
410	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 7) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
411	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 8) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
412	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (Đội 9) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
413	Máy scan chuyên dùng Kodak S2050/ Trung Quốc (NVTH) 2023	Cái	1	24.250.000	19.400.000
414	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (NVTH) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
415	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 1) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
416	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 10) 1/2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
417	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-	Cái	1	26.000.000	20.800.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	79QJ/Trung Quốc (Đội 10) 2/2023				
418	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 11) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
419	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 12) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
420	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 13) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
421	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 14) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
422	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 15) 1/2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
423	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 15) 2/2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
424	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 2) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
425	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 3) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
426	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 4) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
427	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 5) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
428	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 6) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
429	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 7) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
430	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-	Cái	1	26.000.000	20.800.000

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	79QJ/Trung Quốc (Đội 8) 1/2023				
431	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 8) 2/2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
432	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (Đội 9) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
433	Máy tính xách tay chuyên dùng Acer Travelmate P215-54-79QJ/Trung Quốc (TTPC) 2023	Cái	1	26.000.000	20.800.000
B	Công cụ dụng cụ		1.759	3.217.239.793	
1	Bàn chủ tịch sân khấu NH-BH01A, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x500x750mm, Chất liệu: bằng gỗ Tần Bì đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, phía trước trạm khắc hoa văn (Công trình Đ1)	Cái	1	7.477.000	
2	Bàn hội trường H-DGHT129, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1540x500x750mm, Chất liệu: gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước, chống ẩm, chống bắn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.163.000	
3	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PUKT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
4	Ghế hội trường H-GOL9014, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, ghế khung thép sơn tĩnh điện màu đen, đệm tựa làm bằng mút đúc bọc nỉ, ốp đệm tựa nhựa, vách ốp nỉ (Công trình Đ1)	Cái	20	38.860.000	
5	Máy in Canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
6	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PUKT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
7	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
8	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
9	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
10	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
11	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
12	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
13	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
14	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
15	Bàn chủ tịch sân khấu NH-BH01A, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x500x750mm, chất liệu: bằng gỗ Tần Bì đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, phía trước trạm khắc hoa văn (Công trình Đ1)	Cái	1	7.477.000	
16	Bàn hội trường H-DGHT129, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1540x500x750mm, chất liệu: Gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước, chống ẩm, chống bắn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.163.000	
17	Ghế chủ tịch, thư ký H-DG08, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x480x1100mm, bằng gỗ tần bì tự nhiên, đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, trạm khắc hoa văn tinh xảo (Công trình Đ1)	Cái	1	4.725.000	
18	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PUKT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
19	Ghế hội trường H-GOL9014, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, ghế khung thép sơn tĩnh điện màu đen, đệm tựa làm bằng mút đúc bọc nỉ, ốp đệm tựa nhựa, vách ốp nỉ (Công trình Đ1)	Cái	20	38.860.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
20	Tủ đựng tài liệu, trưng bày H-DMT5A, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x420x1960mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia MFC chôn xước, phía trên , có 2 cánh kính (Công trình Đ1)	Cái	1	7.627.000	
21	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + hộc rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
22	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bần cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
23	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
24	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + hộc rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
25	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bần cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
26	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
27	Bàn làm việc +bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
28	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bần cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
29	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
30	Bàn làm việc +bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
31	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
32	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bần cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
33	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
34	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
35	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
36	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
37	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơiChân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
38	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
39	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
40	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơiChân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
41	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
42	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
43	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bần cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
44	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
45	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
46	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
47	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
48	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
49	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
50	Bàn hội trường H-DGHT129, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1540x500x750mm, chất liệu: Gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước, chống ẩm, chống bắn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.163.000	
51	Ghế chủ tịch, thư ký H-DG08, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x480x1100mm, bằng gỗ tần bì tự nhiên, đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, trạm khắc hoa văn tinh xảo (Công trình Đ1)	Cái	1	4.725.000	
52	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PU, KT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
53	Ghế đôn Inox H-DGI01, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, ĐK: 270x500mm, Inox 201, mặt tròn (1 bộ 6 ghế) (Công trình Đ1)	Cái	1	1.338.000	
54	Ghế hội trường H-GOL9014, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, ghế khung thép sơn tĩnh điện màu đen, đệm tựa làm bằng mút đúc bọc nỉ, ốp đệm tựa nhựa, vách ốp nỉ (Công trình Đ1)	Cái	20	38.860.000	
55	Tủ đựng tài liệu trưng bày H-DMT5A, hãng sản xuất: Hồng Đức,	Cái	1	7.627.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x420x1960mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia MFC chôn xước, phía trên có 2 cánh kính (Công trình Đ1)				
56	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
57	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
58	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
59	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
60	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
61	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
62	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất	Cái	1	1.825.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)				
63	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
64	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
65	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
66	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
67	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
68	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
69	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất	Cái	1	3.650.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)				
70	Bàn ăn 6 chỗ H-DBA02, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1500x600x570mm, mặt bàn bằng Compact 12mm hoặc inox 201, chịu nước, axit, độ bền cơ học cao, khung bằng thép sơn tĩnh điện (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
71	Bàn hội trường H-DGHT129, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1540x500x750mm, chất liệu: Gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC, chống xước, chống ẩm, chống bắn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.163.000	
72	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + hộc bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
73	Ghế chủ tịch, thư ký H-DG08, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x480x1100mm, bằng gỗ tần bì tự nhiên, đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, trạm khắc hoa văn tinh xảo (Công trình Đ1)	Cái	1	4.725.000	
74	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PU, KT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
75	Ghế đơn Inox H-DGI01, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, ĐK: 270x500mm, Inox 201, mặt tròn (1 bộ 6 ghế) (Công trình Đ1)	Cái	1	1.338.000	
76	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công	Cái	10	5.780.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	trình Đ1)				
77	Ghế hội trường H-GOL9014, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, ghế khung thép sơn tĩnh điện màu đen, đệm tựa làm bằng mút đúc bọc nỉ, ốp đệm tựa nhựa, vách ốp nỉ (Công trình Đ1)	Cái	20	38.860.000	
78	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon Loại máy in: Laser mono đen trắng Tốc độ in: 12 trang/phút Độ phân giải: 2400 x 600dpi Bộ nhớ: 2MB Khổ giấy: A4 Mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
79	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
80	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
81	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
82	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
83	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Đ1)				
84	Bàn ăn 6 chỗ H-DBA02, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1500x600x570mm, mặt bàn bằng Compact 12mm hoặc inox 201Chịu nước, axit, độ bền cơ học cao, khung bằng thép sơn tĩnh điện (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
85	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + hộc bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
86	Ghế chủ tịch, thư ký H-DG08, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x480x1100mm, bằng gỗ tần bì tự nhiên, đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, trạm khắc hoa văn tinh xảo (Công trình Đ1)	Cái	1	4.725.000	
87	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, Ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PU, KT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
88	Ghế đôn Inox H-DGI01, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, ĐK: 270x500mm, Inox 201, mặt tròn (1 bộ 6 ghế) (Công trình Đ1)	Cái	1	1.338.000	
89	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công trình Đ1)	Cái	10	5.780.000	
90	Ghế hội trường H-GOL9014, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, ghế khung thép sơn tĩnh điện màu đen, đệm tựa làm bằng mút đúc bọc nỉ, ốp đệm tựa nhựa, vách ốp nỉ (Công trình Đ1)	Cái	20	38.860.000	
91	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon Loại máy in: Laser	Cái	1	4.436.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)				
92	Bàn ăn 6 chỗ H-DBA02, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1500x600x570mm, mặt bàn bằng Compact 12mm hoặc inox 201, chịu nước, axit, độ bền cơ học cao, khung bằng thép sơn tĩnh điện (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
93	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	
94	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, Ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PU, KT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
95	Ghế đôn Inox H-DGI01, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, ĐK: 270x500mm, Inox 201, Mặt tròn (1 bộ 6 ghế) (Công trình Đ1)	Cái	1	1.338.000	
96	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công trình Đ1)	Cái	10	5.780.000	
97	Ghế hội trường H-GOL9014, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, Ghế khung thép sơn tĩnh điện màu đen, đệm tựa làm bằng mút đúc bọc nỉ, ốp đệm tựa nhựa, vách ốp nỉ (Công trình Đ1)	Cái	20	38.860.000	
98	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
99	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + học bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
100	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PU, KT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
101	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công trình Đ1)	Cái	10	5.780.000	
102	Ghế hội trường H-GOL9014, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, ghế khung thép sơn tĩnh điện màu đen, đệm tựa làm bằng mút đúc bọc nỉ, ốp đệm tựa nhựa, vách ốp nỉ (Công trình Đ1)	Cái	20	38.860.000	
103	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	
104	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + học bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
105	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PU, KT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
106	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công	Cái	10	5.780.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	trình Đ1)				
107	Ghế hội trường H-GOL9014, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, ghế khung thép sơn tĩnh điện màu đen, đệm tựa làm bằng mút đúc bọc nỉ, ốp đệm tựa nhựa, vách ốp nỉ (Công trình Đ1)	Cái	15	29.145.000	
108	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	
109	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + học bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
110	Ghế đoàn đại biểu H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, ghế chân quỳ, khung thép hình Ovan, chân mạ, tay ốp giả da, đệm tựa bọc PU, KT: 580x610x945mm (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
111	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm Chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công trình Đ1)	Cái	4	2.312.000	
112	Bàn làm việc lãnh đạo H-DS20C5, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x1000x750mm, bao gồm 1 bàn + Học đầy tài liệu, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malayisa phủ sơn công nghệ Đài LoanTrang trí họa tiết (Công trình Đ1)	Cái	1	9.932.000	
113	Bàn ghế gỗ gu phòng lãnh đạo (Đội trưởng Đ1)	Bộ	1	7.600.000	
114	Bàn thư ký NH-BH1.4G, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x500x750mm, chất liệu: bằng gỗ Tần Bì đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một Phía trước trạm khắc hoa văn tinh xảo đạt tiêu chuẩn (Công trình Đ1)	Cái	1	5.234.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
115	Bộ thiết bị Khẩu hiệu, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, bao gồm: Khẩu hiệu Đảng Cộng sản, KT: 500x8200mm, cờ sao vàng, búa liềm Khung nhôm gắn chữ đa năng (Công trình Đ1)	Bộ	1	6.230.000	
116	Bục thuyết trình NH-BT01, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 750x580x1100mm, chất liệu: bằng gỗ Tần Bì đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, soi gờ chỉ trang trí đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 20 (Công trình Đ1)	Cái	1	7.477.000	
117	Bục tượng bác trạm trở đài sen NH-BB01, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 750x500x1500mm, chất liệu: bằng gỗ Tần Bì đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, trạm khắc Đài sen Đạt tiêu chuẩn I (Công trình Đ1)	Cái	1	7.477.000	
118	Ghế xoay lãnh đạo H-DTQ12, hãng sản xuất: Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 730x810x1180/1240mm, chân thép ốp gỗ tự nhiên, có bánh xe, đệm tựa mút bọc da thật, hông da CN, tay gỗ tự nhiên ốp da (Công trình Đ1)	Cái	1	6.854.000	
119	Hệ thống phong rèm sân khấu may và lắp ráp: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, Chất liệu: Vải nhung cao cấp may chun 2,5 lần (Công trình Đ1)	Bộ	60	17.880.000	
120	Tượng Bác Hồ loại đại sơn vàng chất liệu: Thạch cao (Công trình Đ1)	Cái	1	809.000	
121	Máy in LBP 3300	Cái	1	4.450.000	
122	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
123	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
124	Bích treo loa (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	300.000	
125	Giá lưu trữ hồ sơ Hoà Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	4	20.240.000	
126	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	1	633.454	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
127	Loa DIHO KR112 (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	9.000.000	
128	Loa DIHO KR112 (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	9.000.000	
129	Loa DIHO KR112 (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	9.000.000	
130	Loa DIHO KR112 (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	9.000.000	
131	Mic chủ tọa SHUPU 78A (Hội trường Đội 1 và 16)	Cái	1	1.400.000	
132	Bàn ăn 6 chỗ H-DBA02, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1500x600x570mm, mặt bàn bằng Compact 12mm hoặc inox 201, chịu nước, axit, độ bền cơ học cao, khung bằng thép sơn tĩnh điện (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
133	Bàn làm việc +bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + hộc rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
134	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + hộc bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
135	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
136	Ghế đơn Inox H-DGI01, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, ĐK: 270x500mm, Inox 201Mặt tròn (1 bộ 6 ghế) (Công trình Đ1)	Cái	1	1.338.000	
137	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công trình Đ1)	Cái	10	5.780.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
138	Ghế xoay lãnh đạo H-DAGHP06, nhà sản xuất: Hoà Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 620x710x750x1125/1180mm (Công trình Đ1)	Cái	1	2.805.000	
139	Tủ đựng tài liệu, trưng bày H-DMT5A, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x420x1960mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia MFC chôn xước, phía trên, có 2 cánh kính (Công trình Đ1)	Cái	1	7.627.000	
140	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
141	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
142	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc ni (Công trình Đ1)	Cái	6	3.468.000	
143	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc ni, có tay điều chỉnh độ cao bản cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
144	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
145	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ	Cái	1	1.825.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)				
146	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bần cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
147	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
148	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
149	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
150	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
151	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
152	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ	Cái	1	1.825.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)				
153	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi Chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
154	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
155	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
156	Bàn ăn 6 chỗ H-DBA02, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1500x600x570mm, mặt bàn bằng Compact 12mm hoặc inox 201, chịu nước, axit, độ bền cơ học cao, khung bằng thép sơn tĩnh điện (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
157	Bàn làm việc +bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + hộc rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
158	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + hộc bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
159	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình	Cái	1	1.825.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Đ1)				
160	Ghế đôn Inox H-DGI01, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, ĐK: 270x500mm, Inox 201, mặt tròn (1 bộ 6 ghế) (Công trình Đ1)	Cái	1	1.338.000	
161	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công trình Đ1)	Cái	10	5.780.000	
162	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
163	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
164	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
165	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
166	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
167	Bàn ăn 6 chỗ H-DBA02, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1500x600x570mm, mặt bàn bằng Compact 12mm hoặc inox 201, chịu nước, axit, độ bền cơ học cao, khung bằng thép sơn tĩnh điện (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
168	Bàn làm việc +bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
169	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + học bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
170	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
171	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
172	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
173	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
174	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội	Cái	1	5.327.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	thắt 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)				
175	Bàn làm việc +bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
176	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
177	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
178	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
179	Bàn làm việc Phó Chi cục trưởng H-DMB16H4, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1600x900x750mm, bao gồm 1 bàn + Học đầy tài liệu, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malayisa phủ MFC (Công trình Đ1)	Cái	1	3.426.000	
180	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
181	Tủ đựng tài liệu, trưng bày H-DMT5A, hãng sản xuất: Hồng	Cái	1	7.627.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x420x1960mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia MFC chồn xước, phía trên, có 2 cánh kính (Công trình Đ1)				
182	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
183	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
184	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơiChân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
185	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
186	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
187	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
188	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng	Cái	1	3.351.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)				
189	Ghế chân quỳ phòng họp H-DGQ04M, hãng sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 580x650x1050mm, chân thép mạ inox, tay ốp da PU, đệm và tựa bằng mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.825.000	
190	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bản cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
191	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
192	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	8.900.000	
193	Bàn làm việc Hoà Phát	Cái	2	3.458.714	
194	Máy in Canon	Cái	1	3.135.000	
195	Máy fax	Cái	1	2.475.000	
196	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	1	2.889.857	
197	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
198	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
199	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	3	15.180.000	
200	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	1	633.466	
201	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x	Cái	1	4.436.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)				
202	Bộ bàn ghế tiếp khách (Quan Sơn)	Bộ	1	8.900.000	
203	Máy in Philippines/Trung Quốc, HP LaserJet Pro 4003dw 2023	Cái	1	7.865.000	
204	Giường gỗ	Cái	5	5.500.000	
205	Ghế Hòa Phát 550H	Cái	1	450.000	
206	Lioa Nishu	Cái	1	5.500.000	
207	Tủ 09 K2	Cái	3	6.750.000	
208	Tủ đựng tài liệu gỗ ác 1830-3B	Cái	2	5.236.000	
209	Bàn làm việc HP 1890 Đội trưởng	Cái	1	5.647.000	
210	Bục phát biểu	Cái	1	2.695.000	
211	Bục tượng Bác	Cái	1	2.695.000	
212	Ghế HPGS 350 đội trưởng	Cái	1	2.590.500	
213	Ghế làm việc hòa phát	Cái	6	2.085.600	
214	Ghế làm việc xoay	Cái	1	698.000	
215	Máy in canon LB 2900	Cái	1	3.135.000	
216	Tủ tài liệu Hòa Phát	Cái	3	8.019.000	
217	Tủ sắt tài liệu	Cái	3	10.296.000	
218	Bàn làm việc Hoà Phát SV 1600	Cái	3	5.247.000	
219	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
220	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
221	Ghế gấp làm việc Hoà Phát model G04 đệm dạ, khung thép mạ	Cái	15	8.100.000	
222	Giá lưu trữ hồ sơ Hoà Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	2	10.120.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
223	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	2	1.266.908	
224	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
225	Bàn ghế Salon Đài Loan (Bá Thước)	Bộ	1	9.300.000	
226	Bàn ghế hội trường (Cẩm Thuỷ)	Bộ	1	9.889.000	
227	Máy điều hoà không khí Medie 9000BTU	Cái	1	5.650.000	
228	Máy in Canon LP 2900 (Bá Thước)	Cái	1	2.950.000	
229	Bồn nước	Cái	1	5.940.000	
230	Máy bơm nước	Cái	1	1.485.000	
231	Máy in canon 2900	Cái	1	3.100.000	
232	Bàn làm việc	Cái	2	3.200.000	
233	Ghế	Cái	40	8.600.000	
234	Ghế GQ 01S	Cái	10	6.940.000	
235	Máy lọc nước Kangaru	Cái	2	9.400.000	
236	Tủ hồ sơ	Cái	4	13.200.000	
237	Máy bơm nước	Cái	1	2.500.000	
238	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
239	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
240	Giá lưu trữ hồ sơ Hoà Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	4	20.240.000	
241	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	2	1.266.908	
242	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x	Cái	1	4.436.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)				
243	Bàn làm việc của đội	Cái	3	5.370.000	
244	Bàn làm việc Hòa Phát	Cái	4	4.400.000	
245	Máy in Canon 2900	Cái	1	2.790.000	
246	Giường gỗ	Cái	6	6.900.000	
247	Ghế họp Hòa Phát	Cái	15	4.800.000	
248	Ghế làm việc Hòa Phát	Cái	1	450.000	
249	Kết bạc Hòa Phát	Cái	1	2.000.000	
250	Quạt điện	Cái	2	760.000	
251	Tủ tài liệu Hòa Phát	Cái	4	9.000.000	
252	Tủ tài liệu Hòa Phát	Cái	3	7.770.000	
253	Bàn làm việc lãnh đạo (phòng ĐT)	Cái	1	4.150.000	
254	Ghế lãnh đạo (phòng ĐT)	Cái	1	1.850.000	
255	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
256	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
257	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	2	10.120.000	
258	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	2	1.266.908	
259	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
260	Bàn hội trường CT2412H2	Cái	1	3.750.000	
261	Bàn làm việc Hòa Phát SV 1400HL	Cái	4	5.676.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
262	Bàn làm việc Xuân Hòa	Cái	5	6.644.000	
263	Bộ phát không dây	Cái	1	450.000	
264	Bục thuyết trình và bục tượng Bác	Cái	2	3.000.000	
265	Ghế làm việc hoà phát 550H	Cái	1	450.000	
266	Giường gỗ 1,2m	Cái	6	7.800.000	
267	Kệ gỗ	Cái	2	1.400.000	
268	Tủ gỗ Đài Loan	Cái	1	3.100.000	
269	Tủ gỗ 2 cánh	Cái	1	2.500.000	
270	Tượng Bác	Cái	1	700.000	
271	Tủ tài liệu Hòa Phát CAT 09K2	Cái	4	9.000.000	
272	Tủ tài liệu Xuân Hoà	Cái	2	6.267.000	
273	Ghế da Đội trưởng Hòa Phát SG904	Cái	1	3.480.000	
274	Tủ sắt Hòa Phát CAT09K2	Cái	2	6.600.000	
275	Tivi AKINO	Cái	1	9.800.000	
276	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
277	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
278	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	4	20.240.000	
279	Điều hoà không khí Misubishi	Cái	1	7.400.000	
280	Máy in Philippines/Trung Quốc, HP LaserJet Pro 4003dw 2023	Cái	1	7.865.000	
281	Tủ lạnh phòng Đội trưởng	Cái	1	5.700.000	
282	Bàn làm việc	Cái	6	10.428.000	
283	Bục phát biểu	Cái	1	2.800.000	
284	Ghế cao cấp	Cái	1	3.480.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
285	Ghế da Hòa Phát	Cái	1	3.000.000	
286	Ghế làm việc 550	Cái	1	320.000	
287	Ghế làm việc 0389	Cái	10	3.200.000	
288	Ghế làm việc 704	Cái	1	1.500.000	
289	Ghế làm việc 801	Cái	1	3.000.000	
290	Ghế ni Xuân Hòa	Cái	1	1.180.000	
291	Kết bạc Hòa Phát	Cái	1	2.000.000	
292	Máy in Canon 2900	Cái	1	2.950.000	
293	Tủ sắt K3	Cái	2	6.600.000	
294	Tủ tài liệu 09K2	Cái	5	11.250.000	
295	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
296	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
297	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	2	10.120.000	
298	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	2	1.266.908	
299	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	
300	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
301	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
302	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
303	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
304	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
305	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
306	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
307	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
308	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
309	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
310	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
311	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
312	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	
313	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
314	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
315	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	
316	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt	Cái	10	5.780.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công trình Đ1)				
317	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	
318	Tủ tài liệu 4 buồng Hòa Phát	Cái	2	6.600.000	
319	Bàn ghế gụ tiếp khách - Phòng Đội trưởng	Cái	1	7.050.000	
320	Bàn làm việc Hòa Phát (loại 160m x 80cm)	Cái	1	4.500.000	
321	Bàn làm việc Hòa Phát (loại 160m x 80cm)	Cái	1	4.500.000	
322	Máy điều hoà nhiệt độ Panasonic 9000BTU	Cái	1	7.000.000	
323	Điều hoà không khí Media 9000BTU	Cái	1	9.900.000	
324	Điều hoà không khí Media 9000BTU	Cái	1	9.900.000	
325	Điều hoà không khí Media 9000BTU	Cái	1	9.900.000	
326	Máy điều hoà không khí Panasonic 12000BTU	Cái	1	9.000.000	
327	Máy điều hoà không khí - Phòng Đội trưởng	Cái	1	8.350.000	
328	Ghế Hòa Phát	Cái	1	3.500.000	
329	Ghế Hòa Phát	Cái	1	3.500.000	
330	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát 2 cánh (200cm x 100cm)	Cái	1	6.500.000	
331	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát 2 cánh (200cm x 100cm)	Cái	1	6.500.000	
332	Bàn làm việc 1600x400x750mm	Cái	2	5.720.000	
333	Bàn làm việc 1650x700x750mm	Cái	1	8.250.000	
334	Bục phát biểu	Cái	1	1.000.000	
335	Bục tượng Bác	Cái	1	1.000.000	
336	Ghế da cao cấp hòa phát	Cái	1	3.480.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
337	Tượng Bác Hồ	Cái	1	500.000	
338	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
339	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
340	Ghế gấp làm việc Hòa Phát model G04 đệm dạ, khung thép mạ	Cái	20	10.800.000	
341	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	2	10.120.000	
342	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
343	Ấm nước Philip	Cái	1	350.000	
344	Bàn làm việc BMT1000	Cái	1	540.000	
345	Bếp gas Nakasaki	Cái	1	780.000	
346	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	4.750.000	
347	Bàn họp Hội trường	Cái	3	2.700.000	
348	Chậu rửa bát inox Sơn Hà	Cái	1	750.000	
349	Ghế gấp da ngồi làm việc	Cái	2	700.000	
350	Ghế hội trường	Cái	10	3.345.000	
351	Giường ngủ 1m6	Cái	2	3.100.000	
352	Giường ngủ cho cán bộ	Cái	2	3.166.800	
353	Kết sắt	Cái	1	2.800.000	
354	Máy lọc nước Kangaroo	Cái	1	5.200.000	
355	Máy bơm nước	Cái	1	1.750.000	
356	Nồi cơm điện	Cái	2	980.000	
357	Phích nước Rạng Đông 21	Cái	3	540.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
358	Quạt công nghiệp	Cái	1	1.850.000	
359	Quạt điện cơ 91	Cái	1	560.000	
360	Quạt trần Vinawin	Cái	4	2.480.000	
361	Bình siêu tốc Goldsun	Bình	2	500.000	
362	Bình nước Inox	Bình	1	8.630.000	
363	Tủ lạnh Funiki 132 lít	Cái	1	3.650.000	
364	Tủ sắt HP	Cái	2	3.203.000	
365	Tủ đựng tài liệu	Cái	2	5.180.000	
366	Tủ đựng tài liệu	Cái	4	10.000.000	
367	Tivi	Cái	1	4.250.000	
368	Bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	8.000.000	
369	Điều hoà không khí	Cái	1	9.600.000	
370	Máy in Philippines/Trung Quốc, HP LaserJet Pro 4003dw 2023	Cái	1	7.865.000	
371	Bàn làm việc Hòa Phát (Mã NU 1612 CS3)	Cái	4	8.520.000	
372	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
373	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
374	Bàn làm việc model AT 120SHL năm 2022	Cái	3	4.017.000	
375	Ghế gấp làm việc Hòa Phát model G04 đệm dạ, khung thép mạ	Cái	20	10.800.000	
376	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	2	10.120.000	
377	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	2	1.266.908	
378	Bàn làm việc Hòa Phát	Cái	2	3.443.000	
379	Máy in Canon	Cái	2	6.138.000	
380	Tủ lạnh Samsung	Cái	1	4.565.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
381	Tivi Samsung	Cái	1	4.994.000	
382	Quạt cây	Cái	1	4.705.800	
383	Máy Pax panasonic	Cái	1	2.500.000	
384	Két sắt Việt Nhật	Cái	1	1.500.000	
385	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	3	7.770.000	
386	Lioa kích điện	Cái	1	4.330.100	
387	Bàn HP DT1890	Cái	1	5.467.000	
388	Bàn làm việc HP SV 1600	Cái	4	6.996.000	
389	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	1	7.000.000	
390	Bục phát biểu	Cái	1	2.695.000	
391	Bục tượng Bác	Cái	1	2.696.000	
392	Ghế da HP GS350	Cái	1	2.590.500	
393	Giường gỗ 1m2	Cái	4	7.000.000	
394	Giường 1m6	Cái	1	3.000.000	
395	Két sắt điện tử 100kg	Cái	1	2.860.000	
396	Lưu điện cửa	Cái	1	4.500.000	
397	Ổn áp 7,5KVA SINO	Cái	1	5.600.000	
398	Tủ sắt HP CAT 09k3T	Cái	3	10.296.000	
399	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	2	5.346.000	
400	Loa đôi TL Audio	Cái	1	5.643.000	
401	Âm ly Texa Audio	Cái	1	5.170.000	
402	Đầu đĩa Zakama	Cái	1	3.586.000	
403	Míc đứng	Cái	2	2.101.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
404	Tủ kính (190x150x50)	Cái	1	8.135.000	
405	Tủ kính (180x140x45)	Cái	1	6.693.000	
406	Tủ gỗ (120x300x50)	Cái	1	7.215.000	
407	Bàn ghế tiếp khách	Cái	1	8.250.000	
408	Bàn ghế tiếp khách	Cái	1	8.900.000	
409	Máy in Philippines/Trung Quốc, HP LaserJet Pro 4003dw 2023	Cái	1	7.865.000	
410	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
411	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
412	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	3	15.180.000	
413	Bàn ăn	Cái	1	3.600.000	
414	Bàn làm việc Hòa Phát model SV 1400HL kích thước 140x75cm	Cái	4	6.952.000	
415	Bồn nước Inox	Cái	1	5.100.000	
416	Bàn làm việc Hòa Phát	Cái	1	3.550.000	
417	Bình tắm nóng lạnh	bình	1	2.400.000	
418	Đầu đĩa	Cái	1	2.200.000	
419	Ghế dao Xuân Hoà Model GX27	Cái	1	3.480.000	
420	Ghế tựa Hòa Phát Model HP 0398	Cái	4	1.998.400	
421	Ghế quay da Hòa Phát	Cái	1	3.675.000	
422	Ghế sofa da công nghiệp	Cái	1	10.100.000	
423	Két bạc Hòa Phát Model KA 54	Cái	1	2.611.000	
424	Loa	Cái	2	1.400.000	
425	Máy in canon LPP 2900	Cái	1	2.950.000	
426	Máy lọc nước	Cái	1	3.200.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
427	Phích nước giữ nhiệt	Cái	1	1.000.000	
428	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	1	5.000.000	
429	Tủ hồ sơ Hòa Phát Model CAT 09K2	Cái	2	6.600.000	
430	Tủ hồ sơ Hòa Phát Model CAT 09K3T	Cái	2	6.600.000	
431	Tủ lạnh Panasonic	Cái	1	4.800.000	
432	Máy in Philippines/Trung Quốc, HP LaserJet Pro 4003dw 2023	Cái	1	7.865.000	
433	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
434	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
435	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	2	10.120.000	
436	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	2	1.266.908	
437	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
438	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
439	Bàn BL 270W	Cái	2	1.716.000	
440	Bộ bàn ghế 1m6	Bộ	1	4.650.000	
441	Bộ bàn ghế 1 m4	Bộ	1	4.550.000	
442	Tủ hồ sơ Hòa Phát 2 cánh	Cái	1	3.300.000	
443	Tủ văn phòng Hòa Phát 3 cánh	Cái	1	4.900.000	
444	Bàn ghế tiếp khách gỗ gụ - phòng Đội trưởng	Bộ	1	7.200.000	
445	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
446	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
447	Ghế gấp làm việc Hòa Phát model G04 đệm dạ, khung thép mạ	Cái	12	6.480.000	
448	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	4	20.240.000	
449	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	2	1.266.908	
450	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
451	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
452	Tủ lạnh Aqua 1801	Cái	1	6.000.000	
453	Máy lọc nước Kangaro KG 10A4VTU (dạng tủ đứng)	Cái	1	9.900.000	
454	Ghế xoay lãnh đạo HGHP06	Cái	2	4.080.000	
455	Tủ sắt 9 ô cửa	Cái	1	4.580.000	
456	Tủ sắt 3 cánh đứng TS03-3K	Cái	2	9.070.000	
457	Bàn làm việc MB16	Cái	2	5.260.000	
458	Ghế da Hòa Phát	Cái	1	5.650.000	
459	Bàn ghế sanlon gỗ Đài Loan	Bộ	1	6.000.000	
460	Máy điều hoà nhiệt độ	Cái	1	9.945.000	
461	Điều hoà không khí Funiki 12000BTU	Cái	1	9.009.077	
462	Điều hoà không khí Funiki 9000BTU	Cái	1	6.000.000	
463	Điều hoà không khí Funiki 9000BTU	Cái	1	6.000.000	
464	Điều hoà không khí Funiki 9000BTU	Cái	1	6.000.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
465	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
466	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
467	Ghế gấp làm việc Hòa Phát model G04 đệm dạ, khung thép mạ	Cái	6	3.240.000	
468	Giá lưu trữ hồ sơ Hòa Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	3	15.180.000	
469	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	2	1.266.908	
470	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
471	Bàn làm việc Hoà phát	Cái	3	3	
472	Bình nóng lạnh	Bình	2	2	
473	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ	Bộ	1	1	
474	Bộ phòng cháy chữa cháy (gồm 5 bình PCCC và 3 bảng tiêu lệnh)	Bộ	1	3.400.000	
475	Bục gỗ phát biểu	Cái	1	1	
476	Két sắt	Cái	1	1	
477	Máy bơm nước TQ	Cái	1	1	
478	Ổn áp lioa	Cái	1	1	
479	Quạt trần	Cái	13	13	
480	Thiết bị nhà tắm, nhà vệ sinh	Cái	2	2	
481	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	4	4	
482	Tượng Bác Hồ	Cái	1	1	
483	Tủ lạnh Sanyo 13 lít	Cái	1	4.100.000	
484	Tivi LG-32LH500D	Cái	1	4.700.000	
485	Bộ bàn ăn 6 ghế	Bộ	2	10.000.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
486	Điều hoà không khí Panasonic 12000 BTU	Cái	1	9.800.000	
487	Điều hoà không khí Panasonic 12000 BTU	Cái	1	9.800.000	
488	Điều hoà không khí Casper SC-12TL22- 12000 BTU	Cái	1	7.300.000	
489	Điều hoà không khí Casper SC-12TL22- 9000 BTU	Cái	1	6.200.000	
490	Điều hoà không khí Casper SC-12TL22- 9000 BTU	Cái	1	6.200.000	
491	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
492	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
493	Ghế gấp làm việc Hoà phát model G04 đệm dạ, khung thép mạ	Cái	20	10.800.000	
494	Giá lưu trữ hồ sơ Hoà Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	3	15.180.000	
495	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	3	1.900.362	
496	Bàn làm việc DT1890H3 Hoà phát (phòng phó Chi cục trưởng)	Cái	1	2.400.000	
497	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + học bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
498	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + học rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
499	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
500	Bàn sinh hoạt chung H-DMB24.1, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2400x1200x750mm, chất liệu: Khung sắt sơn tĩnh điện, mặt bằng gỗ, mặt bàn dày 24mm bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chôn	Cái	1	4.611.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
501	Ghế TQ 10	Cái	1	3.300.000	
502	Bộ còi, đèn, hệ thống thông tin bộ đàm	Bộ	1	49.864.000	
503	Giá để tài liệu	Cái	2	9.070.000	
504	Giá để tài liệu	Cái	2	4.160.000	
505	Ghế Xuân Hòa	Cái	12	3.840.000	
506	Máy in Canon LBP 2900	Cái	1	2.800.000	
507	Máy quét hai mặt HP ScanJet Pro 2500 f1	Cái	1	8.000.000	
508	Phích nước Panasonic loại 3lit	Cái	2	3.600.000	
509	Phích nước Sunhonuse loại 3.5lit	Cái	1	850.000	
510	Máy điều hoà không khí Midea MS18CR	Cái	1	9.300.000	
511	Điều hoà không khí Daikin FTC25NV 12000 BTU	Cái	1	9.300.000	
512	Điều hoà không khí Daikin FTC25NV 12000 BTU	Cái	1	9.300.000	
513	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
514	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
515	Hòm thư góp ý - 2022	Cái	1	633.454	
516	Bàn SV 1400HL	Cái	3	3.870.000	
517	Tủ CA-3ALG	Cái	1	2.700.000	
518	Phích nước (Phòng KHTH)	Cái	1	1.500.000	
519	Tủ sắt đựng hồ sơ tài liệu loại CAT-09K3 phòng NVTH,TCHC	Cái	3	4.320.000	
520	Bàn làm việc Phó Chi cục trưởng H-DMB16H4, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1600x900x750mm, bao gồm 1 bàn + Hộc đầy tài liệu, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malayisa phủ MFC (Công trình Đ1)	Cái	1	3.426.000	
521	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất	Cái	1	753.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)				
522	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
523	Bàn làm việc phó chi cục trưởng H-DMB16H4, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1600x900x750mm, bao gồm 1 bàn + Hộc đầy tài liệu, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malayisa phủ MFC (Công trình Đ1)	Cái	1	3.426.000	
524	Ghế xoay lãnh đạo H-DAGHP06, nhà sản xuất: Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 620x710x750x1125/1180mm (Công trình Đ1)	Cái	1	2.805.000	
525	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
526	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
527	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc + hộc rời tài liệu (Công trình Đ1)	Cái	1	3.351.000	
528	Bàn làm việc + bàn máy tính H-DMB18L, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1200x600x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia, bao gồm: Bàn làm việc	Cái	1	3.351.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	+ học rời tài liệu (Công trình Đ1)				
529	Bình thủy điện Panasonic 4l	chiếc	1	2.593.300	
530	Quạt trần 3 cánh Phòng NVTH	Cái	1	924.000	
531	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	2	5.779.714	
532	Bàn ghế gỗ gụ phòng lãnh đạo - Trưởng phòng KHTH,	Bộ	1	7.600.000	
533	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
534	Bình thủy điện Panasonic 3l	Cái	1	2.350.000	
535	Điều hòa Panasonic N9VKH (Trưởng phòng NVTH)	Cái	1	7.750.000	
536	Quạt trần 3 cánh	Cái	1	946.000	
537	Tủ hồ sơn Hòa Phát CAT 09K2	Cái	1	3.200.000	
538	Tủ hồ sơn Hòa Phát CAT 09K2	Cái	1	3.300.000	
539	Tủ hồ sơn Hòa Phát 09K3	Cái	1	821.700	
540	Tủ hồ sơn Hòa Phát 09K3	Cái	1	821.700	
541	Tủ gỗ model DC2200H6 Hòa Phát phòng Phó Chi cục trưởng	Cái	1	3.440.000	
542	Tủ sắt cánh kính xuân hoà (KT)	Cái	1	2.710.000	
543	Ghế xoay lãnh đạo H-DGX15A, hãng sản xuất: Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 670x600x970/1070mm, chân thép định hình, bọc nhựa, đệm mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.737.000	
544	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
545	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi,	Cái	1	753.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	chân hình sao (Công trình Đ1)				
546	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
547	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
548	Ghế xoay lãnh đạo H-DGX15A, hãng sản xuất: Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 670x600x970/1070mm, chân thép định hình, bọc nhựa, đệm mút bọc da PU (Công trình Đ1)	Cái	1	1.737.000	
549	Ghế xoay văn phòng H-DGX02Nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
550	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
551	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
552	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
553	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
554	Bàn làm việc phó chi cục trưởng H-DMB16H4, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1600x900x750mm, bao gồm 1 bàn + Hộc đầy tài liệu, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malayisa phủ MFC (Công trình Đ1)	Cái	1	3.426.000	
555	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
556	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
557	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
558	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
559	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bàn cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
560	Tủ đựng tài liệu, trưng bày H-DMT5A, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x420x1960mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia MFC chôn xước, phía trên, có 2 cánh kính (Công trình Đ1)	Cái	1	7.627.000	
561	Bàn làm việc phó chi cục trưởng H-DMB16H4, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1600x900x750mm, bao gồm 1 bàn + Hộc đầy tài liệu, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC (Công trình Đ1)	Cái	1	3.426.000	
562	Ghế xoay văn phòng H-DGX02Nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bần cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
563	Tủ đựng tài liệu, trưng bày H-DMT5A, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 2000x420x1960mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia MFC chôn xước, phía trên, có 2 cánh kính (Công trình Đ1)	Cái	1	7.627.000	
564	Máy in Philippines/Trung Quốc, HP LaserJet Pro 4003dw 2023	Cái	1	7.865.000	
565	Máy in Laser để bàn Philippin/2Z610A/HP	Cái	1	8.210.000	
566	Máy in Laser để bàn Philippin/2Z610A/HP	Cái	1	8.210.000	
567	Bình thủy điện Panasonic 4l	Cái	1	2.593.300	
568	Bình thủy điện Panasonic 4l	Cái	1	2.593.300	
569	Phích điện KORIA 4,3L	Cái	1	1.600.000	
570	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
571	Bàn trưởng phòng Hoà Phát (Phòng CT)	Cái	1	3.564.000	
572	Bình thủy điện Panasonic	Cái	1	2.475.000	
573	Bình thủy điện Panasonic 3.0l	Cái	1	2.350.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
574	Ghế da Hoà Phát (Phòng CT)	Cái	1	4.590.000	
575	Ghế Văn phòng (Phòng CT)	Cái	1	8.640.000	
576	Giá lưu trữ hồ sơ Hoà Phát khung thép đa năng 2 khoang, 5 tầng	Cái	5	25.300.000	
577	Quạt cây Mitsubishi LV 16S-RA CY-GY xám đậm	Cái	1	2.590.000	
578	Quạt trần (Phòng TCHC)	Cái	1	825.000	
579	Máy in Canon LBP 3300	Cái	1	4.200.000	
580	Bàn SV 1400HL	Cái	1	1.290.000	
581	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc ni (Công trình Đ1)	Cái	4	2.312.000	
582	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
583	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
584	Ghế xoay lãnh đạo H-DAGHP06, nhà sản xuất: Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 620x710x750x1125/1180mm (Công trình Đ1)	Cái	1	2.805.000	
585	Bàn làm việc phó chi cục trưởng H-DMB16H4, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1600x900x750mm, bao gồm 1 bàn + Hộc đầy tài liệu, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malayisa phủ MFC (Công trình Đ1)	Cái	1	3.426.000	
586	Ghế xoay lãnh đạo H-DAGHP06, nhà sản xuất: Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 620x710x750x1125/1180mm (Công trình Đ1)	Cái	1	2.805.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
587	Bàn làm việc văn phòng H-DMB14M, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1400x700x750mm, mặt bàn dày 25mm, bằng gỗ CN, gồm: Bàn làm việc + học bàn (Công trình Đ1)	Cái	1	2.305.000	
588	Ghế xoay văn phòng H-DGX02, nhà sản xuất: Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x520x870/990, khung bằng thép, nhựa định hình, đệm mút bọc nỉ, có tay điều chỉnh độ cao bản cần hơi, chân hình sao (Công trình Đ1)	Cái	1	753.000	
589	Tủ sắt đựng tài liệu H-TS03-3K, hãng sản xuất: Hồng Đức - Nội thất 190, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1830x1330x450mm, bằng sắt sơn tĩnh điện, có 2 cánh mở đặc, 2 cánh kính, 1 cánh suốt (Công trình Đ1)	Cái	1	5.327.000	
590	Bàn làm việc loại SV model H1D10-GXXhoà phát phòng NVTH,TCHC	Cái	3	1.980.000	
591	Tủ sắt đựng hồ sơ tài liệu loại CAT-09K3 (Phòng NVTH, TCHC)	Cái	4	5.760.000	
592	Máy in Philippines/Trung Quốc, HP LaserJet Pro 4003dw 2023	Cái	1	7.865.000	
593	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
594	Bàn làm việc The One	Cái	1	3.456.000	
595	Bình thủy điện Panasonic	Cái	1	2.475.000	
596	Bình thủy điện Panasonic 3l	Cái	1	2.350.000	
597	Điều hòa Panasonic N9VKH	Cái	1	7.750.000	
598	Bàn ghế gỗ gu phòng lãnh đạo- PCKT	Bộ	1	7.600.000	
599	Bàn ghế gỗ gu - Phòng tiếp dân	Bộ	1	7.140.000	
600	Quạt trần	Cái	1	825.000	
601	Tủ đựng tài liệu The One	Cái	1	4.946.400	
602	Quạt cây ChiuHai	Cái	1	850.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
603	Quạt trần Vina	Cái	1	600.000	
604	Tủ sắt đựng hồ sơ tài liệu loại CAT-09K3 phòng NVTH,TCHC (Hiệp hội người tiêu dùng)	Cái	1	1.440.000	
605	Ghế hội trường 0398M	Cái	85	30.600.000	
606	Bao súng	Cái	25	3.750.000	
607	Bình xịt cay 100CC Đài Loan số 201506147	Bình	1	650.000	
608	Bình xịt cay 100CC Đài Loan số 201506101	Bình	1	650.000	
609	Bình xịt cay 100CC Đài Loan số 21506118	Bình	1	650.000	
610	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0720 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
611	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0719 Đài Loan 1/2017	Chiếc	1	2.900.000	
612	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0742 Đài Loan 1/2017	Chiếc	1	2.900.000	
613	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0743 Đài Loan 1/2017	Chiếc	1	2.900.000	
614	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0744 Đài Loan 1/2017	Chiếc	1	2.900.000	
615	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0746 Đài Loan 1/2017	Chiếc	1	2.900.000	
616	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0773 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
617	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915696 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
618	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915697 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
619	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915698 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
620	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915709 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
621	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915710 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
622	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915711 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
623	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915712 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
624	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915713 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
625	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915714 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
626	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915715 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
627	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915716 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
628	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915717 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
629	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915718 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
630	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915824 - CHLB Đức (kho CC) -2017	Khẩu	1	6.900.000	
631	Ghế chủ tịch, thư ký H-DG08, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x480x1100mm, bằng gỗ tần bì tự nhiên, đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt, trạm khắc hoa văn tinh xảo (Công trình Đ1)	Cái	1	4.725.000	
632	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt	Cái	1	3.748.100	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	(Công trình Đ1)				
633	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một (Công trình Đ1)	Cái	1	3.748.100	
634	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
635	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
636	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
637	Máy in canon 2900, hãng sản xuất: Canon, loại máy in: Laser mono đen trắng, tốc độ in: 12 trang/phút, độ phân giải: 2400 x 600dpi, bộ nhớ: 2MB, khổ giấy: A4, mực in Canon: EP303 (Công trình Đ1)	Cái	1	4.436.000	
638	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một (Công trình Đ1)	Cái	1	3.748.100	
639	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một	Cái	1	3.748.100	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	(Công trình Đ1)				
640	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một (Công trình Đ1)	Cái	1	3.748.100	
641	Bàn làm việc chung H-DMB24, nhà sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 1800x900x750mm, bằng gỗ CN nhập Khẩu Malaysia phủ MFC chống xước (Công trình Đ1)	Cái	1	3.588.000	
642	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một (Công trình Đ1)	Cái	1	3.748.100	
643	Ghế chủ tịch, thư ký H-DG08, hãng sản xuất: Hồng Đức, xuất xứ: Việt Nam, KT: 560x480x1100mm, bằng gỗ tần bì tự nhiên, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một, trạm khắc hoa văn tinh xảo (Công trình Đ1)	Cái	1	4.725.000	
644	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một (Công trình Đ1)	Cái	1	3.748.100	
645	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một (Công trình Đ1)	Cái	1	3.748.100	
646	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mỗi một (Công trình Đ1)	Cái	1	3.748.100	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
647	Ghế gấp văn phòng H-GP01A, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, xuất xứ: Việt Nam, KT: 410x500x1030mm, chân bằng sắt mạ Inox và sơn tĩnh điện, đệm và tựa bằng mút bọc nỉ (Công trình Đ1)	Cái	6	3.468.000	
648	Ghế phòng họp lãnh đạo H-DAGH05, hãng sản xuất: Hồng Đức - Hòa Phát, KT : 620x740x1040mm, tay và chân bằng gỗ tự nhiên uốn cong định hình, đã qua xử lý chống cong vênh, mối mọt (Công trình Đ1)	Cái	1	3.748.100	
649	Máy in Laser để bàn Philippin/2Z610A/HP	Cái	1	8.210.000	
650	Bình thủy điện Panasonic 3l (Phòng CT)	Cái	1	2.250.000	
651	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915825 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
652	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915826 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
653	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915827 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
654	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915689 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
655	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915690 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
656	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915691 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
657	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915692 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
658	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915693 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
659	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915694 - CHLB Đức (kho	Khẩu	1	6.900.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
	CC)-2017				
660	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915695 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
661	Súng bắn đạn cao su RG88-RC153915828 - CHLB Đức (kho CC)-2017	Khẩu	1	6.900.000	
662	Súng bắn đạn cao su DKR113-DONGKWNGDKGP 004017	Khẩu	1	1	
663	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0748 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
664	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0749 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
665	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0751 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
666	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0752 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
667	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0753 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
668	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0756 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
669	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0757 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
670	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0758 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
671	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0703 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
672	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0704 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
673	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0706 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
674	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0707 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
675	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0708 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
676	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0709 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
677	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0711 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
678	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0712 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
679	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0713 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
680	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0714 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
681	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0715 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
682	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0716 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
683	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0718 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
684	Dùi cui điện TITAN M3S-1509-0755 Đài Loan 1/2017 (Kho Chi cục)	Chiếc	1	2.900.000	
685	Đạn RG88 hơi cay		250	20.000.000	
686	Đạn RG88 cao su		44	3.520.000	

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại
687	Bàn sơn Hoà phát	Cái	1	5.760.000	
688	Phích điện Panasonic	Cái	2	4.600.000	
689	Bảng chính sách pháp luật ISO năm 2022	Cái	1	918.000	
690	Bảng mục tiêu chất lượng ISO năm 2022	Cái	1	486.000	
691	Bộ bàn ghế tiếp khách lãnh đạo (Phòng Cục trưởng) 2023	Bộ	1	9.936.000	
692	Máy bơm nước VP Cục	Cái	1	5.489.000	
693	Điều hòa Mitsubishi MS-HP25VF	Cái	1	6.650.000	
TỔNG CỘNG			2.192	14.685.527.607	3.132.201.367